TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CẦU KÈ** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 46/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 19-7-2017
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦU KÈ - TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Mai Thị Tuyền

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Thúy Phượng

2. Ông Sơn Hương

- Thư ký phiên tòa: Ông Dương Chí Điền là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Ông Thạch Săm Át - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 7 năm 2017, tại Tòa án nhân dân huyện Cầu Kè xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 304/2017/TLST-HNGĐ, ngày 12 tháng 6 năm 2017, về việc "*Tranh chấp ly hôn, nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 61/2017/QĐST-HNGĐ, ngày 03 tháng 7 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1985 (có mặt)

Nơi cư trú: ấp C, xã T, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

2. Bị đơn: Anh Bùi Phương T, sinh năm 1978 (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

Nơi cư trú: ấp T, xã T, huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh.

Cháu Bùi Thị Kim Ngân, sinh ngày 24 tháng 3 năm 2007.

Nơi cư trú: ấp T, xã T, huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 05 tháng 6 năm 2017 (BL 02) và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Bùi Phương T tự nguyện tìm hiểu và đi đến tổ chức lễ cưới vào năm 2005 có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh theo Giấy chứng nhận kết hôn số 175, quyển số 01 ngày 23 tháng 12 năm 2005 (BL 03).

Khi đám cưới xong, chị và anh Bùi Phương T cùng sống bên gia đình anh Bùi Phương T, thời gian đầu chung sống hòa thuận, hạnh phúc nhưng đến tháng 7 năm 2016 thường xảy ra cãi vã, bất đồng quan điểm sống do tính tình không hợp. Anh Bùi Phương T hay uống rượu về nhà đánh đập chị, vì thế chị và anh Bùi Phương T đã không còn chung sống với nhau từ tháng 7 năm 2016 cho đến nay. Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa nên yêu cầu Tòa án cho chị được ly hôn với anh Bùi Phương T.

Về con chung: Có 01 con chung tên Bùi Thị Kim Ngân, sinh ngày 24 tháng 3 năm 2007 hiện do chị Nguyễn Thị T nuôi dưỡng. Nay chị yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung mà không yêu cầu anh Bùi Phương T phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị Nguyễn Thị T khai không thiếu nợ ai.

Anh Bùi Phương T là bị đơn vắng mặt nhưng có lời trình bày tại hồ sơ vụ án như sau: Anh thống nhất với lời trình bày của chị Nguyễn Thị T về thời điểm chung sống, có đăng ký kết hôn, về con chung, về tài sản chung và nợ chung là hoàn toàn đúng thực tế. Anh thừa nhận nguyên nhân mâu thuẫn dẫn đến việc chị Nguyễn Thị T xin ly hôn là do vợ chồng hay cự cãi chuyện gia đình, anh hay uống rượu về nhà đánh đập chị Nguyễn Thị T nên chị Nguyễn Thị T bỏ nhà đi. Anh với chị Nguyễn Thị T đã không còn chung sống với nhau từ tháng 7 năm 2016 cho đến nay. Nay anh vẫn còn thương vợ con nên không muốn ly hôn mà xin đoàn tụ lại để nuôi dạy con chung.

Trường hợp nếu Tòa án giải quyết cho anh với chị Nguyễn Thị T ly hôn thì anh đồng ý giao con chung tên Bùi Thị Kim Ngân, sinh ngày 24 tháng 3 năm 2007 cho chị Nguyễn Thị T tiếp tục nuôi dưỡng mà anh không đồng ý cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Cháu Bùi Thị Kim Ngân trình bày: Cháu là con chung của ông Bùi Phương T và bà Nguyễn Thị T. Nay cha mẹ ly hôn thì cháu có nguyện vọng sống với mẹ.

Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh cho rằng: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán tiến hành đầy đủ các giai đoạn tố tụng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Đối với các đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định của pháp luật để giải quyết vụ án: Về quan hệ hôn nhân cho chị Nguyễn Thị T và anh Bùi Phương T được ly hôn; Về con chung giao con chung tên Bùi Thị Kim Ngân sinh ngày 24 tháng 3 năm 2007 cho chị Nguyễn Thị T tiếp tục nuôi dưỡng; Về tài sản chung và nợ chung đề nghị không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết qủa tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về quan hệ pháp luật của vụ án này là: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cầu Kè.

2. Về tố tụng: Sau khi tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải thì anh Bùi Phương T làm Đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Bùi Phương T.

3. Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị T và anh Bùi Phương T là hợp pháp. Chị Nguyễn Thị T và anh Bùi Phương T cùng thừa nhận trong quá trình chung sống thì thời gian đầu hòa thuận, hạnh phúc nhưng kể từ tháng 7 năm 2016 thường xảy ra cãi vã bất đồng quan điểm sống do tính tình không hợp, anh Bùi Phương T hay uống rượu về nhà đánh đập chị Nguyễn Thị T nên chị Nguyễn Thị T và anh Bùi Phương T đã không còn chung sống với nhau từ tháng 7 năm 2016 cho đến nay.

Tại phiên tòa hôm nay chị Nguyễn Thị T yêu cầu được ly hôn nhưng anh Bùi Phương T không đồng ý mà xin đoàn tụ lại. Vấn đề này thấy rằng, sau khi thụ lý vụ án Tòa án tiến hành mời các đương sự lên tham gia hòa giải nhằm động viên cho các đương sự hàn gắn với nhau nhưng không có kết quả do chị Nguyễn Thị T cương quyết ly hôn với anh Bùi Phương T. Điều này thể hiện tình trạng hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị T và anh Bùi Phương T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử sẽ xem xét để cho Nguyễn Thị T và anh Bùi Phương T ly hôn.

4. Về con chung: Việc giao con cho ai nuôi Hội đồng xét xử cần phải xem xét mọi mặt và quyền lợi của con chưa thành niên. Đối với chị Nguyễn Thị T từ khi chị và anh Bùi Phương T không còn chung sống với nhau từ tháng 7 năm 2016 cho đến nay chị đã thực hiện hết nghĩa vụ nuôi con của người mẹ, đảm bảo con chung vẫn phát triển tốt về mọi mặt. Đồng thời anh Bùi Phương T cũng đồng ý giao con chung cho chị Nguyễn Thị T tiếp tục nuôi dưỡng nếu anh và chị Nguyễn Thị T ly hôn. Do đó, căn cứ vào các Điều 81, 82, và 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận cho chị Nguyễn Thị T được tiếp tục nuôi dưỡng con chung là có cơ sở cũng là phù hợp với ý chí và nguyện vọng của cháu Bùi Thị Kim Ngân.

Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung: Tòa án giải thích cho các đương sự biết về việc cấp dưỡng nuôi con chung nhưng chị Nguyễn Thị T không yêu cầu anh Bùi Phương T cấp dưỡng nuôi con chung nên Tòa án không xem xét giải quyết.

5. Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị T và anh Bùi Phương T không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

6. Về nợ chung: Chị Nguyễn Thị T và anh Bùi Phương T khai không thiếu nợ ai, nên Hội đồng xét xử không đặt ra để giải quyết.

7. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 228 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị T, bác yêu cầu xin đoàn tụ của anh Bùi Phương T.

2. Về hôn nhân: Cho Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Bùi Phương T.

3. Về con chung: Giao con chung tên Bùi Thị Kim Ngân, sinh ngày 24 tháng 3 năm 2007 cho chị Nguyễn Thị T tiếp tục nuôi dưỡng mà anh Bùi Phương T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con.

4. Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị T và anh Bùi Phương T không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về nợ chung: Chị Nguyễn Thị T và anh Bùi Phương T khai không thiếu nợ ai, nên Hội đồng xét xử không đặt ra để giải quyết.

6. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm số tiền là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0010986 ngày 12 tháng 6 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cầu Kè; chị Nguyễn Thị T đã nộp đủ án phí hôn nhân sơ thẩm.

7. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh Bùi Phương T vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án; quyền, nghĩa vụ của người được thi hành án, người phải thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Cầu Kè;
- Chi cục THADS huyện Cầu Kè;
- UBND xã T, huyện Cầu Kè;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Mai Thị Tuyển

HỘI THẨM NHÂN DÂN **CHỦ TỌA**